TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HC-PT
Ngày: 22 - 01 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Toàn

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Minh Thịnh

Bà Lê Thúy Cầu

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 892/2023/TLPT-HC ngày 20 tháng 11 năm 2023 về "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2023/HC-ST ngày 15-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 55/2023/QĐPT ngày 29-12-2023, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Trần Thị Ngọc N, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 528/18/10 P, Phường 14, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên hệ: Số 145 đường X, khu phố L, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Nhà hàng Đ, Khu phố 5, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà N:

1. Luật sư Nguyễn Văn Q, Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai; Địa chỉ: Số 199 T, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Luật sư Mai Song H, Đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Địa chỉ: 151/34/43/1 L, phường B, quận B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Anh D – Chủ tịch UBND tỉnh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Văn L, Phó Giám đốc trung tâm tư vấn pháp luật thuộc Hội luật gia tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Nguyễn Hoàng T, Chủ tịch UBND thành phố P. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

1. Ông Nguyễn Xuân V, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố P. Có mặt.

2. Ông Trần Hải A, Trưởng phòng Quản lý đô thị thành phố P. Có mặt.

3. Luật sư Phạm Thị Minh H, Luật sư Văn phòng Luật sư Hoàng Cúc, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường M.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn Thanh –Công chức địa chính, xây dựng. Có mặt.

2. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất P. Vắng mặt.

3. Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 145 đường X, khu phố L, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

Do có kháng cáo của người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày: Bà Trần Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết những vấn đề sau:

1. Huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 86/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân thành phố P;

2. Huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 87/QĐ-XLVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân thành phố P.

3. Huỷ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 529/QĐ-XPVPHC ngày 26/02/2021 của Chủ tịch Uỷ ban Nhân dân tỉnh Bình Thuận;

4. Huỷ Quyết định số 2006/QĐ-CCXP ngày 11/5/2021 về việc "Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả" của Chủ tịch UBND thành phố P;

5. Huỷ Quyết định số 1630/QĐ-CCXP ngày 02/8/2022 về việc "Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả" của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận;

6. Huỷ Quyết định số 4597/QĐ-CCXP ngày 08/9/2022 về việc "Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả" của Chủ tịch UBND thành phố P.

7. Yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận và Chủ tịch UBND Tp. P liên đới bồi thường thiệt hại về hành vi hành chính trái pháp luật đối với việc cưỡng chế trái pháp luật ngày 28/9/2022, với số tiền là: **9.619.000.000** đồng (Chín tỷ sáu trăm mười chín triệu đồng).

Bà không đồng ý với các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nêu trên. Bởi các lý do sau:

- Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 86/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P.

Nguồn gốc thửa đất số 43, tờ bản đồ 114, diện tích 1.080 m^2 tại khu phố L, phường M, thành phố P là do bà nhận chuyển nhượng từ ông Đoàn Ngọc Ánh năm 2017. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà đã làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 26/9/2017, bà được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận *(gọi tắt là Sở TN&MT)* cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất *(gọi tắt là Giấy CNQSDĐ)* số CI366407, số vào sổ cấp GCN: CS01945.

Ngày 28/3/2018, bà được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P *(gọi tắt là Chi nhánh VPĐKĐĐ P)*, cập nhật biến động với nội dung: *"Chuyển mục đích sử dụng 40m^2 từ đất rừng thành đất ở đô thị theo Quyết định số 2560/QĐ-UBND, hồ sơ số 22915.CM.001239"*. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền chuyển đổi mục đích sử dụng đất vào năm 2018, vợ chồng bà đã tiến hành xây dựng nhà để ở ổn định trên đất và dùng để chứa đựng vật dụng liên quan đến sản xuất kinh doanh trên thửa đất này.

Ngày 08/01/2021, Chủ tịch UBND thành phố P ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 86/QĐ-XPVPHC đối với hành vi vi phạm hành chính: "*Tổ chức thi công xây dựng công trình không có Giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có Giấy phép tại thửa đất số 43, tờ bản đồ 114 với diện tích xây dựng là 40 m^2 trên phần đất ở đô thị thuộc khu phố L, phường M, thành phố P"*. UBND thành phố P căn cứ vào Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC do UBND phường M lập ngày 05/01/2021 tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, khu phố L, phường M, TP P, tỉnh Bình Thuận để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 86/QĐ-XPVPHC. Tuy nhiên, biên bản vi phạm được lập không

có số và người vi phạm không ký tên nhưng không nêu rõ việc có mặt hay không có mặt và gia đình bà cũng không nhận được biên bản. Mặt khác, tài sản này là tài sản chung của vợ chồng bà nhưng quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Văn Đ là chồng bà không được đề cập trong quyết định.

Bên cạnh đó, ngày 12/9/2022, bà nhận được Quyết định số 4597/QĐ-CCXP ngày 08/9/2022 về việc ***"Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả"*** của Chủ tịch UBND thành phố P. Căn cứ pháp lí để ra Quyết định cưỡng chế này là để thi hành theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 86/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P. Theo đó, Chủ tịch UBND thành phố P buộc bà phải tháo dỡ công trình xây dựng vi phạm có diện tích 40m^2.

Bà thừa nhận xây dựng công trình trên đất không xin Giấy phép xây dựng tại cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, bà chỉ xây dựng trong phần đất mà bà đã được cấp Giấy CNQSDĐ, không có tranh chấp với ai. Việc xây dựng cũng không làm ảnh hưởng đến mỹ quan đô thị, không vi phạm đến quy hoạch sử dụng đất tại địa phương. Vì các công trình đã xây dựng kiên cố, hoàn chỉnh nên việc tháo dỡ công trình sẽ gây thiệt hại rất lớn cho gia đình bà.

Bên cạnh đó, trong quá trình bà xây dựng công trình trên đất từ năm 2018, UBND phường M cũng không tiến hành lập Biên bản vi phạm hành chính khi phát hiện có hành vi vi phạm (theo quy định tại Điều 58, Luật xử lý vi phạm hành chính). Đồng thời, người có thẩm quyền phải ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản theo quy định tại Khoản 1, Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính. Đến ngày 08/01/2021, Chủ tịch UBND thành phố P mới ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng tại thửa đất số 43, tờ bản đồ 114 với diện tích xây dựng là 40 m^2 là đã hết thời hạn ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 66 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Căn cứ để ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 86/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố P là dựa trên Biên bản Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC của UBND phường M lập ngày 05/01/2021, chỉ ghi nhận lại việc các công trình của bà đã hoàn chỉnh từ năm 2018. Như vậy, Biên bản này trái với nguyên tắc xử lí vi phạm hành chính là mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật. Mặc khác, tại địa phương cũng có nhiều hộ xây dựng nhà ở nông thôn như bà lại không có Quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 87/QĐ-XLVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Sau khi được Chi nhánh VPĐKĐĐ P cho chuyển mục đích 40m^2 thành đất ở đô thị. Bà tiếp tục xin chuyển mục đích quyền sử dụng đất đối với 40m^2

thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ 114 tại khu phố L, phường M, thành phố P. Sau khi thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chuyển mục đích sử dụng đất, UBND thành phố P đã ra Thông báo đóng tiền chuyển mục đích, bà đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính.

Tuy nhiên, tại Quyết định số 87/QĐ-XPVPHC cho rằng bà chuyển mục đích sử dụng đất trái phép thửa đất số 43, tờ bản đồ 114 tại khu phố L, phường M, thành phố P với diện tích 453,7 m^2 là không đúng với thực tế.

Sau đó bà nhận được Quyết định số 2006/QĐ-CCXP ngày 11/5/2021 về việc ***"Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả"*** của Chủ tịch UBND thành phố P để thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 87/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P. Việc bà thực hiện các thủ tục để chuyển mục đích sử dụng đất là không vi phạm quy định pháp luật. Bởi vì, trước đó bà đã được Chi nhánh VPĐKĐĐ P cho chuyển mục đích đối với 40m^2 và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Đồng thời, hành vi chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất rừng sang đất phi nông nghiệp là hành vi Chi nhánh VPĐKĐĐ P. Bà là người dân, không hiểu biết nhiều về pháp luật nên không thể biết được phần đất của mình có thuộc trường hợp được chuyển đổi mục đích sử dụng đất hay không. Do đó, khi bà thực hiện thủ tục xin chuyển đổi mục đích sử dụng đất, cơ quan có thẩm quyền phải có trách nhiệm giải thích cho bà rằng phần đất của bà không thuộc trường hợp được chuyển đổi mục đích và trả lại hồ sơ cho bà. Tuy nhiên, Chi nhánh VPĐKĐĐ P vẫn tiếp nhận hồ sơ, xin ý kiến UBND và thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất.

Vì vậy, hành vi chuyển mục đích sử dụng đất từ đất rừng sản xuất là rừng trồng sang đất phi nông nghiệp (xây dựng nhà ở) là hành vi của Chi nhánh VPĐKĐĐ P chứ không phải là hành vi của cá nhân bà nên bà không phải là chủ thể bị xử phạt vi phạm hành chính trong trường hợp này. Nếu việc chuyển mục đích sử dụng đất là trái phép thì Chi nhánh VPĐKĐĐ P phải là cơ quan chịu trách nhiệm. Dẫn đến, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 87/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P xử phạt bà về hành vi hành chính chuyển đổi mục đích sử đụng đất sai là không đúng theo quy định pháp luật.

Mặc khác, trong thời gian này bà đã nộp Giấy CNQSDĐ số CI366407, số vào sổ cấp GCN: CS01945 do Sở TN&MT cấp ngày 26/9/2017 cho Chi nhánh VPĐKĐĐ P để tiếp tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất thì bị giữ lại nên bà không thực hiện thủ tục xin giấy phép xây dựng theo quy định.

*- Đối với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 529/QĐ-XPVPHC ngày 26/02/2021 của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh Bình Thuận***.**

Nguồn gốc thửa đất này là do bà nhận chuyển nhượng bằng giấy tay từ những người sau đây:

1/ Ngày 24/8/2000, bà nhận chuyển nhượng từ bà **Lê Thị Nhân** (Sinh năm 1973, CMND số 260 704 088, Địa chỉ: Khu phố L, phường M, thành phố P) diện tích 2.000m^2. Giá chuyển nhượng là 100.000.000 đồng *(Một trăm triệu đồng)*;

2/ Ngày 03/5/2002, bà nhận chuyển nhượng từ bà **Trần Thị Chút** (Sinh năm 1949, CMND số 260 424 606, Địa chỉ: Khu phố L, phường M, thành phố P) diện tích 1.760m^2 (22m x 80m). Giá chuyển nhượng là: 680.000.000 đồng *(Sáu trăm tám mươi triệu đồng);*

3/ Ngày 02/5/2007, bà nhận chuyển nhượng từ ông **Phạm Vương Hải** (Sinh năm 1977, CMND số 281 213 615, Địa chỉ: Khu phố L, phường M, thành phố P) diện tích 500m^2 (10m x 50m). Giá chuyển nhượng là: 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*;

4/Ngày 03/5/2007, bà nhận chuyển nhượng từ ông **Hồ Văn Mỹ** (Sinh năm 1985, CMND số 261 092 894, Địa chỉ: Khu phố L, phường M, thành phố P) diện tích 500m^2 (10m x 50m). Giá chuyển nhượng là: 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*;

5/ Ngày 19/7/2008, bà nhận chuyển nhượng từ bà **Trương Thị Hồng Hiệp** (Sinh năm 1955, CMND số 260 336 381, Địa chỉ: Khu phố L, phường M, thành phố P) diện tích 3.000m^2. Giá chuyển nhượng là: 120.000.000 đồng *(Một trăm hai mươi triệu đồng)*;

6/ Ngày 06/3/2010, bà nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông **Hồ Văn Đoan và bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết** (Cùng địa chỉ: Khu phố L, phường M, thành phố P) diện tích diện tích 780m^2 (13m x 60m). Giá chuyển nhượng là: 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*;

7 /Ngày 08/3/2010, bà nhận chuyển nhượng từ bà **Huỳnh Vũ Mai Vương** (Sinh năm 1974, CMND số 260 967 763, Địa chỉ: Khu phố L, phường M, thành phố P) diện tích 2.000m^2. Giá chuyển nhượng là: 870.000.000 đồng *(Tám trăm bảy mươi triệu đồng)*;

8/ Ngày18/3/2010, bà nhận chuyển nhượng từ ông **Phạm Văn Tuấn** (Sinh năm 1979, CMND số 261 007 458, Địa chỉ: Khu phố L, phường M, thành phố P) diện tích 2.000m^2. Giá chuyển nhượng là: 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng)*;

9/ Năm 2010, bà nhận chuyển nhượng từ ông **Nguyễn Văn Cu (**Sinh năm 1964, CMND số 261 006 401, Địa chỉ: Khu phố L, phường M, thành phố P) diện tích 1.000m^2. Giá chuyển nhượng là 50.000.000 đồng *(Năm mươi triệu đồng);*

10/ Năm 2010, bà nhận chuyển nhượng từ ông **Lê Hồng Minh** (Sinh năm 1950, CMND số 060 687 558, Địa chỉ: Khu phố L, phường M, thành phố P)

diện tích 1.000m^2. Giá chuyển nhượng là 40.000.000 đồng *(Bốn mươi triệu đồng);*

Các phần đất bà nhận chuyển nhượng nằm liền kề nhau tại khu phố L, phường M, thành phố P với tổng diện tích là **14.540 m^2** (do mua bán theo hiện trạng ranh sử dụng và ghi số liệu ước chừng, nên diện tích đo thực tế được xác định là: 15.817m^2 theo bản vẽ đo đạc 1:2000 Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114 (215 479-9) ngày 25/2/2019 của Chi nhánh VPĐKĐĐ P) với tổng số tiền là **3.860.000.000 đồng** *(Ba tỷ tám trăm sáu mươi triệu đồng)*.

Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà đã trực tiếp quản lý, sử dụng toàn bộ phần đất nêu trên mà không có ai tranh chấp. Đồng thời, bà thực hiện các thủ tục xin cấp Giấy CNQSDĐ; ngày 25/2/2019, Chi nhánh VPĐKĐĐ P kiểm tra, chỉnh lý và cấp bản vẽ đo đạc 1:2000 Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114 (215 479-9). Chi nhánh VPĐKĐĐ P đã tiến hành áp ranh, lồng ghép vào bản đồ địa chính, xác định ranh giới, vị trí khu đất, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất để lập bản đồ. Đây là cơ sở để UBND phường xét tính pháp lý về quyền sử dụng đất của bà. Như vậy, bà là người có quyền sử dụng hợp pháp đối với phần đất nêu trên và được các cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Hơn Na, những người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà đã quản lý, sử dụng từ rất lâu, không có tranh chấp và cũng không thuộc quy hoạch của Nhà nước. Từ khi họ chuyển nhượng cho bà, gia đình bà lại tiếp tục quản lý, sử dụng hơn 20 năm qua cũng không được UBND phường M hay UBND thành phố P thông báo về việc phần đất này thuộc quản lý của Nhà nước. Do đó, bà không hề có hành vi lấn hoặc chiếm phần đất thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ 114.

Thêm vào đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận ra Quyết định xử phạt hành chính với bà về hành vi lấn, chiếm đất của Nhà nước là không đúng theo quy định pháp luật. Căn cứ theo Khoản 1, Điều 12 Luật Đất đai 2013 quy định những hành vi bị nghiêm cấm, cụ thể: *"Lấn, chiếm, hủy hoại đất đai"*

Theo quy định tại Điều 3 Nghị định 102/2014/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai thì hành vi lấn đất và chiếm đất được định nghĩa như sau:

"1. Lấn đất là việc người đang sử dụng đất tự chuyển dịch mốc giới hoặc ranh giới thửa đất để mở rộng diện tích đất.

2. Chiếm đất là việc sử dụng đất mà không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép hoặc việc sử dụng đất do được Nhà nước giao, cho thuê nhưng hết thời hạn giao, cho thuê đất không được Nhà nước gia hạn sử dụng mà không trả lại đất hoặc sử dụng đất khi chưa thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai".

Như vậy, hành vi lấn, chiếm là hai hành vi hoàn toàn khác nhau. Căn cứ tại điểm d, Khoản 1 Điều 3 Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: "*Một*

người thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính hoặc vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm".

Theo đó, Quyết định xử phạt vi phạm hành chính chỉ được xử phạt một hành vi trong một quyết định. Tuy nhiên, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 529/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận lại xử phạt cả 02 hành vi là lấn và chiếm đất đai trong 01 Quyết định là không đúng theo quy định pháp luật.

Tiếp đến, ngày 08/8/2022, bà nhận Quyết định số 1630/QĐ-CCXP ngày 02/8/2022 về việc ***"Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả"*** của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận. Căn cứ pháp lí ra Quyết định cưỡng chế này là Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 529/QĐ-XPVPHC ngày 26/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N.

Theo đó, Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận buộc bà khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất (diện tích 15.817 m^2 thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114) đã lấn, chiếm cho UBND phường M để quản lý và nộp lại số tiền thu lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính số tiền 143.589.608 đồng *(Một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi chín nghìn sáu trăm lẻ tám đồng).* Nhưng thực tế, phần diện tích trên hoàn toàn không thuộc quyền quản lý của UBND phường M, vì nếu Cơ quan tổ chức quản lý làm sao Chi nhánh VPĐKĐĐ P lại đo vẽ chồng ranh khi áp vị trí. Trái với chức năng chuyên môn khi đo vẽ và xác nhận: Bản vẽ đo đạc là cơ sở để UBND phường M xét tính hợp pháp lý về QSDĐ, bản vẽ thể hiện được các vấn đề như: ranh giới, hiện trạng nhà ở, đất ở, đường, hạ tầng, số tờ, số thửa, diện tích được công nhận, diện tích dính lộ giới, diện tích chồng với các cơ quan cá nhân quản lý…Không thể là đất rừng sản xuất mà Chi nhánh VPĐKĐĐ P không biết? Cần làm rõ các trách nhiệm cá nhân đối với kiểm tra, chỉnh lý và cấp bản vẽ đo đạc 1:2000 Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114 (215 479-9) ngày 25/2/2019 của Chi nhánh VPĐKĐĐ P.

Từ những căn cứ nêu trên, nhận thấy, căn cứ để ra các Quyết định cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả gồm: Quyết định số 2006/QĐ-CCXP ngày 11/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P; Quyết định số 1630/QĐ-CCXP ngày 02/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận; Quyết định số 4597/QĐ-CCXP ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P có mối quan hệ nhân quả với các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 86/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P; Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 87/QĐ-XLVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 529/QĐ-XPVPHC ngày 26/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận - đang là đối tượng bị khởi kiện hành chính và đang được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Đồng thời, trên các phần đất của bà thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ 114, diện tích 1.080 m^2 và thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114, diện tích 15.817m^2 liền kề nhau tại khu phố L, phường M, thành phố P, bà đã tiến hành xây dựng căn nhà cấp 4 kiên cố với diện tích 453,7 m^2 dùng để ở và chứa đồ mỹ nghệ và đã xây dựng tường rào kiên cố bao quanh cả khu đất và trồng rất nhiều loại cây trên phần đất này.

Do đó, nếu cưỡng chế tháo dỡ các công trình mà bà đã xây dựng trên đất khi chưa có phán quyết của Tòa án đối với các quyết định xử phạt vi phạm hành chính sẽ gây ra rất nhiều thiệt hại không thể khắc phục được cho vợ chồng bà, không đảm bảo cho việc giải quyết vụ án và thi hành án.

Quyết định số 4597/QĐ-CCXP ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND Tp. P về việc "*Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả"* của Chủ tịch UBND thành phố P, theo Quyết định 86 bà chỉ mới nhận được vào ngày 12/9/2022. Theo Quyết định này, UBND thành phố P buộc bà tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm có diện tích 40m^2 tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, khu phố L, phường M, thành phố P trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận Quyết định. Tuy nhiên, từ ngày 12/9/2022 đến khi Chủ tịch UBND thành phố P cưỡng chế, tháo dỡ công trình của bà ngày 28/9/2022 chỉ mới 16 ngày, chưa hết thời hạn tự nguyện thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả. Tại sao Chủ tịch UBND thành phố P lại không đảm bảo thời gian tự nguyện khắc phục hậu quả mà tổ chức cưỡng chế gây thiệt hại cho người dân?

Từ những căn cứ nêu trên, hành vi cưỡng chế ngày 28/9/2022 là vi phạm pháp luật. Nên ngày 15/11/2022, bà đã có đơn khởi kiện bổ sung đối với Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận và Chủ tịch UBND thành phố P yêu cầu liên đới bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính trái pháp luật với giá trị công trình, nhà ở, tường rào, cây trồng bị xâm phạm tại thửa đất số số 43, tờ bản đồ 114, diện tích 1.080 m^2 và thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114, diện tích 15.817m^2 tọa lạc tại khu phố L, phường M, thành phố P với số tiền là: **9.619.000.000** đồng (*Chín tỷ sáu trăm mười chín triệu đồng).*

**** Tại Văn bản số 4254/UBND-NC ngày 28/7/2023 của Chủ tịch UBND thành phố P trình bày:***

- Đối với Quyết định số 86/QĐ-XPVPHC ngày 07/01/2021 và Quyết định số 4597/QĐ-CCXP ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Về Biên bản xử phạt vi phạm hành chính: Ngày 05/01/2021, UBND phường M lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC đối với bà Trần Thị Ngọc N về hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có Giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có Giấy phép tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, với diện tích xây dựng là 40m^2 trên phần đất ở đô thị, thuộc khu phố L, phường M, thành phố P. Tại thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính bà Trần Thị Ngọc N vắng mặt không có lý do mặc dù phường M đã mời theo Thông báo số 1073/TB-ĐKT ngày 29/12/2020 và niêm yết Thông báo tại trụ sở khu phố L,

phường M. Tại biên bản vi phạm hành chính có sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn Cu và Nguyễn Huy Phúc.

Căn cứ vào Điều 58 Luật xử phạt vi phạm hành chính quy định, nếu người vi phạm không có mặt hoặc cố tình trốn tránh, thì Biên bản vi phạm phải có hai chữ ký của người làm chứng. Vì vậy, biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC được lập đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính: Tại biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC xác định thời điểm bà N có hành vi vi phạm xây dựng nhà chưa có Giấy phép vào tháng 3/2019 đến ngày 08/01/2021. UBND thành phố P ban hành Quyết định số 86/QĐ-XPVPHC là còn thời hiệu để xử lý theo quy định của pháp luật. UBND thành phố P cũng như UBND phường M xác định thời điểm bà N thực hiện hành vi vi phạm xây dựng nhà không có giấy phép là cuối tháng 3/2019, vì các căn cứ sau:

- Bản vẽ do Chi nhánh VPĐKĐĐ P lập ngày 06/3/2018 khi bà N đăng ký, chỉ dẫn, xác định vị trí đất chuyển mục đích từ đất rừng sản xuất sang đất ở có diện tích 40m^2; thời điểm xin chuyển mục đích tại Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 28/3/2018, trên đất chưa có công trình xây dựng.

- Tại biên bản kiểm tra hiện trạng hồi 09 giờ 30 phút ngày 08/9/2018 do UBND phường M lập tại thực địa làm việc trực tiếp với bà N (bà N có ký biên bản); tại thời điểm kiểm tra trên, bà N tiến hành san ủi mặt bằng thì hiện trạng trên đất chưa có tác động xây dựng công trình nào.

- UBND phường M ban hành Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/10/2018 về việc tháo dỡ trụ bê tông, dây kẽm gai trên phần đất do Nhà nước quản lý và tại Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 15/10/2018 về việc tổ chức lực lượng xử lý tháo dỡ trên phần đất chiếm dụng của Nhà nước tại khu phố L, phường M; thời điểm này cũng chưa có công trình xây dựng trên thửa đất; bà N đã lấn, chiếm trồng trụ bê tông.

- Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 07/5/2019 do UBND phường M lập hồi 14 giờ 30 phút, xác định hiện trạng bà N đang xây dựng một công trình dở dang, có diện tích xây dựng khoảng 689,72m^2, trong đó: Có 40m^2 đất ở tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114; diện tích xây dựng khoảng 375,64m^2 trên phần đất nhận sang nhượng từ ông Đoàn Ngọc Ánh có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần diện tích xây dựng trên phần đất lấn, chiếm của Nhà nước thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114, diện tích khoảng 314,08m^2. Toàn bộ công trình xây dựng trái phép này là một khối thống nhất, không tách rời nhau.

- Biên bản xác minh thời điểm bà N tác động, xây dựng công trình, sử dụng đất lấn, chiếm của Nhà nước do UBND phường M lập hồi 14 giờ 00, ngày 04/01/2021, xác định thời điểm bắt đầu xây dựng công trình vi phạm vào khoảng cuối tháng 3/2019.

+ Về Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 86/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P: Căn cứ Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thời hạn ra Quyết định xử phạt là 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản vi phạm hành chính. Căn cứ vào Điều 147 của Bộ Luật dân sự quy định thời hạn được xác định bằng ngày thì ngày đầu tiên của thời hạn không được tính mà tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày được xác định.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC ngày 05/01/2021 của UBND phường M và Tờ trình số 05/TTr-UBND ngày 05/01/2021 của UBND phường M. Ngày 08/01/2021, Chủ tịch UBND thành phố P đã ký Quyết định số 86/QĐ-XPVPHC vẫn trong thời hạn 07 ngày.

Hành vi hành chính của bà Trần Thị Ngọc N bị xử phạt là tổ chức thi công xây dựng công trình không có Giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có Giấy phép tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, với diện tích xây dựng là 40 m^2 trên phần đất ở đô thị thuộc khu phố L, phường M, thành phố P (được quy định tại: Điểm b, khoản 5, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ).

- Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền. Phạt tiền với mức phạt là: 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).

- Các biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà Trần Thị Ngọc N phải hoàn tất thủ tục xin giấy phép xây dựng đúng theo quy định.

Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày lập Biên bản vi phạm hành chính, bà Trần Thị Ngọc N phải làm thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng. Hết thời hạn quy định, bà Trần Thị Ngọc N không xuất trình với người có thẩm quyền xử phạt Giấy phép xây dựng thì bị áp dụng biện pháp tháo dỡ công trình, phần công trình vi phạm theo quy định.

Sau khi được cấp Giấy phép xây dựng, bà Trần Thị Ngọc N phải tháo dỡ công trình, phần công trình không phù hợp với Giấy phép xây dựng thì mới được thi công xây dựng.

Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do bà Trần Thị Ngọc N chi trả.

Căn cứ vào quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính; UBND thành phố P ban hành quyết định số 86/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 là đúng quy định của pháp luật.

+ Về Quyết định cưỡng chế số 4597/QĐ-CCXP ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND thành phố P: Căn cứ Điều 86 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định: Nếu cá nhân tổ chức không tự nguyện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính; thì bị cưỡng chế.

Đến ngày 06/04/2021, các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra việc thi hành Quyết định số 86/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021, đến thời điểm này bà N chưa nộp phạt và chưa tự nguyện tháo dỡ công trình vi phạm.

Vì vậy, ngày 07/4/2021, UBND thành phố P ban hành Thông báo số 169/TB-UBND về việc thực hiện biện pháp buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm đối với bà Trần Thị Ngọc N. Nơi ở hiện tại: Khu phố L, phường M, thành phố P.

Ngày 08/9/2022, Chủ tịch UBND thành phố P đã ký Quyết định số 4597/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, theo Quyết định số 86/QĐ-QĐ-XPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N. Nơi ở hiện tại: Khu phố L, phường M, thành phố P.

- Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Điểm b, khoản 5, Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầu tư xây dựng; khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, quản lý công trình hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh bất động sản, phát triển nhà ở, quản lý sử dụng nhà và công sở.

- Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là: Xây dựng công trình không có Giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có Giấy phép tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, với diện tích xây dựng là 40 m^2 trên phần đất ở đô thị thuộc khu phố L, phường M, thành phố P.

- Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện và thời gian thực hiện là: Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm có diện tích 40 m^2. Thời gian thực hiện 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận Quyết định này.

- Địa điểm thực hiện: Tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, khu phố L, phường M, thành phố P.

Như vậy: Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Quyết định số 86/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N và Quyết định số 4597/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 86/QĐ-QĐ-XPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N là đúng hành vi vi phạm hành chính và đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định pháp luật; việc bà Trần Thị Ngọc N khởi kiện Quyết định số Quyết định số 86/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N và Quyết định số 4597/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định số 86/QĐ-QĐ-XPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N là không có cơ sở để xem xét.

- Đối với Quyết định số 87/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 và Quyết định số 2006/QĐ-CCXP ngày 11/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Về Biên bản vi phạm hành chính: Ngày 05/01/2021, UBND phường M lập Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC đối với bà Trần Thị Ngọc N. Nơi ở hiện tại: Khu phố L, phường M, thành phố P, về hành vi vi phạm hành chính: Chuyển đất rừng sản xuất là rừng trồng sang đất phi nông nghiệp (xây dựng nhà ở) không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép tại khu vực đô thị, thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, theo Giấy CNQSDĐ số CI 366407 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 26/9/2017, với diện tích chuyển mục đích trái phép là 453,7m^2 tại khu phố L, phường M, thành phố P (quy định tại điểm b, Khoản 2, Điều 10 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai).

Tại thời điểm lập Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC, bà Trần Thị Ngọc N vắng mặt không có lý do mặc dù UBND phường M đã mời theo Thông báo số 1073/TB-ĐKT ngày 29/12/2020 và niêm yết Thông báo tại trụ sở khu phố L, phường M.

Tại Biên bản vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC bà N vắng mặt không có lý do nên không có chữ ký của bà N, nhưng có chữ ký của 02 người làm chứng là ông Nguyễn Văn Cu và ông Nguyễn Huy Phúc. Căn cứ vào Điều 58 Luật Xử phạt vi phạm hành chính quy định, nếu người vi phạm không có mặt, hoặc cố tình trốn tránh, thì Biên bản vi phạm phải có 02 chữ ký của người làm chứng. Vì vậy, Biên bản vi phạm hành chính số 02//BB-VPHC được lập đúng quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính: Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với lĩnh vực đất đai là 02 năm kể từ ngày vi phạm được phát hiện hành vi vi phạm hoặc thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Tại Biên bản xử phạt vi phạm hành chính số 02/BB-VPHC xác định thời điểm bà N có hành vi sử dụng đất sai mục đích là chuyển đất trồng rừng sang đất phi nông nghiệp mà chưa được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 31/3/2019 đến ngày 08/01/2021, UBND thành phố P ban hành Quyết định số 87/QĐ-XPVPHC là còn thời hiệu để xử lý vi phạm hành chính.

UBND thành phố P cũng như UBND phường M xác định thời điểm bà N thực hiện hành vi vi phạm sử dụng đất sai mục đích vào ngày 31/3/2019 là theo căn cứ sau:

- Bản vẽ do Chi nhánh VPĐKĐĐ P lập ngày 06/3/2018 khi bà N đăng ký, chỉ dẫn, xác định vị trí đất chuyển mục đích từ đất rừng sản xuất sang đất ở có diện tích 40 m^2; thời điểm xin chuyển mục đích tại Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 28/3/2018, trên đất chưa có công trình xây dựng.

- Tại Biên bản kiểm tra hiện trạng hồi 09 giờ 30 phút ngày 08/9/2018 do UBND phường M lập tại thực địa, làm việc trực tiếp với bà N (bà N có ký biên bản). Tại thời điểm kiểm tra trên, bà N tiến hành san ủi mặt bằng thì hiện trạng trên đất chưa có tác động xây dựng công trình nào.

- UBND phường M ban hành Thông báo số 32/TB-UBND ngày 09/10/2018 về việc tháo dỡ trụ bê tông, kẽm gai trên phần đất do Nhà nước quản lý và tại Kế hoạch số 86/KH-UBND ngày 15/10/2018 về việc tổ chức lực lượng xử lý tháo dỡ trên phần đất chiếm dụng của Nhà nước tại khu phố L, thời điểm này cũng chưa có công trình xây dựng trên thửa đất; bà N đã lấn, chiếm trồng trụ bê tông.

- Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 07/5/2019 lập hồi 14 giờ 30 phút do UBND phường M lập, xác định hiện trạng bà N đang xây dựng một công trình dỡ dang, có tổng diện tích xây dựng khoảng 689,72m^2, trong đó: Có 40m^2 đất ở tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, diện tích xây dựng khoảng 375,64 m^2 trên phần đất nhận sang nhượng từ ông Đoàn Ngọc Ánh có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần diện tích xây dựng trên phần đất lấn, chiếm của Nhà nước thửa đất số 19, tờ bản đồ 114 khoảng 314,08 m^2; toàn bộ công trình xây dựng trái phép này là một khối thống nhất, không tách rời nhau.

- Biên bản xác minh thời điểm bà N tác động, xây dựng công trình, sử dụng đất lấn, chiếm của Nhà nước do UBND phường M lập hồi 14 giờ 00 ngày 04/01/2021, xác định thời điểm bắt đầu tác động xây dựng công trình vi phạm vào khoảng cuối tháng 3/2019.

+ Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 87/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Căn cứ Điều 66 của Luật Xử lý vi phạm hành chính thời hạn ra Quyết định xử phạt là 07 ngày kể từ ngày lập Biên bản vi phạm hành chính. Căn cứ vào Điều 147 Bộ Luật dân sự quy định thời hạn được xác định bằng ngày thì ngày đầu tiên của thời hạn không được tính mà tính từ ngày tiếp theo liền kề ngày được xác định.

Ngày 05/01/2021, UBND phường M lập Tờ trình số 03/TTr-UBND gửi UBND thành phố P về việc đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N.

Ngày 08/01/2021, Chủ tịch UBND thành phố P đã ký Quyết định số 87/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N. Thời hạn xử phạt đúng theo quy định tại Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Hành vi vi phạm hành chính của bà N: Chuyển đất rừng sản xuất là rừng trồng sang đất phi nông nghiệp (xây dựng nhà ở) không được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép tại khu vực đô thị, thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 366407 do Sở Tài nguyên

và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 26/9/2017, với diện tích chuyển mục đích trái phép là 453,7 m^2 tại khu phố L, phường M, thành phố P.

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 366407 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 26/9/2017, loại đất là đất rừng sản xuất; tại thời điểm lập Biên bản vi phạm bà N đã xây dựng công trình trên đất là vi phạm và hành vi này được quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 10 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Nên UBND thành phố P ban hành Quyết định số 87/QĐ-XPVPHC đúng quy định pháp luật với nội dung quyết định:

- Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền.

Mức phạt tiền là: 7.500.000 đồng *(Bảy triệu năm trăm ngàn đồng).*

- Các biện pháp khắc phục hậu quả:

+ Khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 10 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

+ Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính, với số tiền phải nộp là: 57.560.854 đồng *(Năm mươi bảy triệu, năm trăm sáu mươi ngàn, tám trăm năm mươi bốn đồng)*, theo quy định tại điểm c, khoản 4, Điều 10 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Thời gian thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là 20 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này. Mọi chi phí tổ chức thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do bà Trần Thị Ngọc N chi trả. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

+ Quyết định số 2006/QĐ-CCXP ngày 11/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Căn cứ Điều 86 của Luật Xử lý vi phạm hành chính nếu cá nhân tổ chức không tự nguyện thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì bị cưỡng chế. Ngày 14/5/2021, các cơ quan có thẩm quyền kiểm tra việc thi hành Quyết định số 87/QĐ-XPVPHC; đến thời điểm này, bà N chưa nộp phạt và chưa tự nguyện tháo dỡ công trình vi phạm.

Ngày 11/5/2021, Chủ tịch UBND thành phố P đã ký Quyết định số 2006/QĐ-CCXP về cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, theo Quyết định số 87/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N. Nơi ở hiện tại: Khu phố L, phường M, thành phố P.

- Phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả do đã có hành vi vi phạm hành chính, quy định tại: Điểm b, khoản 2, Điều 10 Nghị định số 91/2019/NĐ-

CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- Hậu quả do hành vi vi phạm hành chính gây ra cần được khắc phục là: Tháo dỡ các công trình xây dựng có trên diện tích chuyển mục đích trái phép 453,7 m^2 (thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 366407 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận cấp ngày 26/9/2017) tại khu phố L, phường M, thành phố P; khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm.

- Biện pháp khắc phục hậu quả phải thực hiện, gồm: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất như trước khi vi phạm và thời gian thực hiện là 10 ngày.

- Địa điểm thực hiện: Tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, khu phố L, phường M, thành phố P.

- Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do bà Trần Thị Ngọc N chi trả.

Việc Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 87/QĐ-XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N và Quyết định số 2006/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, theo Quyết định số 87/QĐ-QĐ-XPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N là đúng hành vi vi phạm hành chính và đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định pháp luật; việc bà Trần Thị Ngọc N khởi kiện Quyết định số 87/QĐ XPVPHC về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N và Quyết định số 2006/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả, theo Quyết định số 87/QĐ-QĐ-XPHC ngày 08/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P về xử phạt vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N là không có cơ sở để xem xét.

- Đối với Quyết định số 4597/QĐ-CCXP ngày 08/9/2022 và Quyết định số 2006/QĐ-CCXP ngày 11/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P.

Chủ tịch UBND thành phố P ban hành 02 Quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 86/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 87/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 là đúng pháp luật.

Theo Điều 73 Luật Xử lý vi phạm hành chính *"Trường hợp cá nhân, tổ chức bị xử phạt khiếu nại, khởi kiện đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính thì vẫn phải chấp hành quyết định xử phạt, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15 của Luật này. Việc khiếu nại, khởi kiện được giải quyết theo quy định của pháp luật"*. Do bà N không chấp hành các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên Chủ tịch UBND thành phố P đã ban hành Quyết định số

4597/QĐ-CCXP ngày 08/9/2022 và Quyết định số 2006/QĐ-CCXP ngày 11/5/2021 là đúng pháp luật.

Trong quá trình thực hiện, bà Trần Thị Ngọc N có Đơn đề ngày 17/8/2022 đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời "Tạm dừng việc thực hiện hành vi hành chính" và "Cấm hoặc buộc thực hiện hành vi nhất định" đối với các Quyết định số 1630/QĐ-CCXP ngày 02/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh, Quyết định số 4597/QĐ-CCXP ngày 08/9/2022 và Quyết định số 2006/QĐ-CCXP ngày 11/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố P. Ngày 18/8/2022, Tòa án nhân dân tỉnh đã ban hành Thông báo số 190/TABT-THC không chấp nhận yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo đề nghị nêu trên của bà Trần Thị Ngọc N.

Từ những nội dung nêu trên, nay bà Trần Thị Ngọc N khởi kiện bổ sung yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố P liên đới bồi thường thiệt hại về hành vi hành chính trái pháp luật về việc cưỡng chế ngày 28/9/2022 đối với toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, diện tích 1.080 m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114, diện tích 15.817 m^2 tại khu phố L, phường M, thành phố P, với số tiền là: **9.619.000.000** đồng (*Chín tỷ sáu trăm mười chín triệu đồng)* là không có cơ sở để chấp nhận.

**** Tại Văn bản số 1757/UBND-NCKSTTHC ngày 19/5/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, trình bày:***

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 529/QĐ-XPVPHC ngày 26/02/2021 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai đối với bà Trần Thị Ngọc N là đúng hành vi vi phạm hành chính và đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật; việc bà Trần Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 529/QĐ-XPVPHC ngày 26/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh là không có cơ sở để xem xét.

Sau khi Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 529/QĐ-XPVPHC ngày 26/02/2021. Ngày 03/3/2021, UBND phường M đã giao Quyết định này cho bà N, đồng thời giải thích yêu cầu bà N chấp hành và nhiều lần kiểm tra việc thực hiện; tuy nhiên, bà Trần Thị Ngọc N vẫn không chấp hành nộp tiền phạt và thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 529/QĐ-XPVPHC ngày 26/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

UBND thành phố P đã thực hiện các bước xác minh tiếp theo (xác minh thông tin về tài khoản ngân hàng của bà N, tài sản, …), củng cố hồ sơ và có Tờ trình số 164/TTr-UBND ngày 08/7/2022 kiến nghị Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 529/QĐ-XPVPHC ngày 26/02/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Do đó, ngày 02/8/2022 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1630/QĐ-CCXP về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là đúng quy định pháp luật. Bà Trần Thị Ngọc N khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 1630/QĐ-CCXP ngày 02/8/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả là không có cơ sở để xem xét.

Từ những nội dung nêu trên, nay bà Trần Thị Ngọc N khởi kiện bổ sung yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận liên đới bồi thường thiệt hại về hành vi hành chính trái pháp luật về việc cưỡng chế ngày 28/9/2022 đối với toàn bộ tài sản trên đất tại thửa đất số 43, tờ bản đồ số 114, diện tích 1.080m^2 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114, diện tích 15.817 m^2 tại khu phố L, phường M, thành phố P, với số tiền là: **9.619.000.000** đồng (*Chín tỷ sáu trăm mười chín triệu đồng)* là không có cơ sở để chấp nhận.

**** Tại Văn bản số 895/UBND-ĐĐ ngày 02/6/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường M, thành phố P, trình bày:***

- *Về hành vi vi phạm qua các lần phát hiện, kiểm tra tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114.*

+ UBND phường phát hiện và nhận kiến nghị, phản ánh bà Trần Thị Ngọc N lấn, chiếm đất. UBND phường đã kiểm tra hiện trạng và làm việc 14 lần tại thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114. Trong đó, tại biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 08/9/2018 của UBND phường có mặt bà Trần Thị Ngọc N và bà N đã ký biên bản kiểm tra và thống nhất khắc phục, ngưng thi công san ủi trên thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114.

+ Kết quả xác minh những người dân cư trú lâu năm, đồng thời là những người bán đất cho bà Trần Thị Ngọc N: Qua xác minh thì ông Hồ Văn Đoan, sinh năm 1980, ông Nguyễn Ngọc Anh, sinh năm 1983, ông Nguyễn Văn Cư, sinh năm 1983, ông Nguyễn Cang, sinh năm 1970 và ông Đoàn Ngọc Ánh, sinh năm 1961; cùng trú tại khu phố L, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận đều khẳng định vị trí đất mặt tiền tiếp giáp đường X thì 05 người trên không bán đất cho bà N. Bà N đến chiếm vị trí đất những người này đã chiếm trước đó; đồng thời bà N cho rằng khu đất này Nhà nước đã giao cho bà làm dự án. Vì vậy, những người này không canh tác Na, đồng thời bà N đến nhà những người này hỗ trợ tiền công trồng cây. Đất do các hộ này chiếm là đất do nhà nước quản lý (đối diện C19 của Ban Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Thuận), khi nào nhà nước sử dụng thì các hộ này sẽ trả lại đất cho nhà nước chứ không có việc bán đất cho bà Trần Thị Ngọc N.

+ Về hồ sơ địa chính: Bản đồ hiện trạng sử dụng đất đến năm 2010 phường M được kiểm tra, nghiệm thu năm 2013 thì vị trí thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114, diện tích 83.724,8m^2 là "đất chưa sử dụng".

Bản đồ trích đo địa chính năm 2010, được Sở TN&MT kiểm tra nghiệm thu ngày 16/11/2011 thì vị trí ranh giới theo 03 thửa đất: **thửa đất số 90,** diện tích 50.616,0m^2, tờ bản đồ số 50, loại đất: đất rừng PAM, quy chủ sử dụng: Ban quản lý Rừng phòng hộ P; **thửa đất số 153,** diện tích 5.904,0m^2, tờ bản đồ số 50, loại đất: đất cây lâu năm, quy chủ sử dụng: UBND phường M; **thửa đất số 177,** diện tích 3.929,0m^2, tờ bản đồ số 50, loại đất: đất chưa sử dụng, quy chủ sử dụng: UBND phường M; đều tiếp biên ranh giới khu đất bà Trần Thị Ngọc N chiếm.

Bản đồ địa chính (bản đồ Dự án 920) được Sở TN&MT kiểm tra, nghiệm thu năm 2017 thì vị trí đất bà Trần Thị Ngọc N chiếm thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114, diện tích 83.724,8m^2, loại đất: đất chưa sử dụng, quy chủ sử dụng là UBND phường M quản lý. Tại thời điểm khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất qua các thời kỳ đều là đất chưa sử dụng, quy chủ là UBND phường M quản lý, sử dụng.

Do đó, việc UBND phường M lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N về hành vi lấn, chiếm đất do UBND phường quản lý là phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1, khoản 5 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- *Về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích.*

+ Căn cứ Giấy CNQSDĐ số CI 366407 cấp ngày 26/9/2017 do bà Trần Thị Ngọc N đứng tên, công nhận thửa đất số 43, diện tích 1.080m^2, tờ bản đồ số 114, mục đích sử dụng đất: đất rừng sản xuất.

+ Ngày 05/01/2021, Đoàn kiểm tra 5936 của UBND thành phố P đối với bà Trần Thị Ngọc N thì theo hiện trạng thửa đất số 43, diện tích 1.080m^2, tờ bản đồ số 114, bà Trần Thị Ngọc N đã xây dựng công trình kiên cố (nhà ở) với diện tích xây dựng là 453,7m^2. Như vậy, căn cứ theo hiện trạng, việc sử dụng đất của bà Trần Thị Ngọc N đã sai mục đích sử dụng đất so với loại đất được nhà nước công nhận, tự ý chuyển mục đích sử dụng đất khi chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép, vi phạm các quy định về quản lý và sử dụng đất mà pháp luật quy định tại các Điều 12, Điều 57 Luật đất đai. Do đó, UBND phường M lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 10 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

- *Về hành vi thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng.*

+ Căn cứ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 366407, cấp ngày 26/9/2017 do bà Trần Thị Ngọc N đứng tên, công nhận thửa đất số 43, diện tích 1.080m^2, tờ bản đồ số 114, mục đích sử dụng đất: đất rừng sản xuất.

+ Căn cứ Quyết định số 2560/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của UBND thành phố P và Mảnh chỉnh lý bản đồ địa chính số 16-2018, bà Trần Thị Ngọc N có 40m^2, loại đất ở đô thị.

+ Căn cứ dữ liệu hồ sơ xin phép xây dựng trên địa bàn phường M thì diện tích 40m^2, loại đất ở đô thị; bà Trần Thị Ngọc N chưa có giấy phép xây dựng theo quy định.

+ Ngày 05/01/2021, Đoàn kiểm tra 5936 của UBND thành phố P đối với bà Trần Thị Ngọc N thì theo hiện trạng thửa đất số 43, diện tích 40m^2, đất ở đô thị thuộc tờ bản đồ số 114, bà Trần Thị Ngọc N đã xây dựng công trình kiên cố (nhà ở) với diện tích xây dựng là 493,7m^2 [453,7m^2 (sử dụng sai mục đích) + 40m^2 (đất ở đô thị) = 493,7m^2]. Như vậy, việc xây dựng nhà ở trên phần diện tích 40m^2 (đất ở đô thị) của bà Trần Thị Ngọc N không có giấy phép xây dựng theo quy định. Do đó, UBND phường M lập biên bản vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị Ngọc N là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 15 Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động đầ tư xây dựng.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 93/2023/HC-ST ngày 15-9-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 358; Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính; Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012; được sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2017 và năm 2020; Nghị định 118/2021/NĐ-CP ngày 23-12-2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19-11-2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nghị định số 04/2022/NĐ-CP ngày 06/01/2022 của Chính phủ; Nghị định số 139/2017/NĐ-CP ngày 27/11/2017 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đầu tư xây dựng; khoản 1 và khoản 7 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí và lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc N, về việc:

- Hủy các Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND thành phố P gồm: Quyết định số 86/QĐ-XPVPHC ngày 08/01/2021 về việc xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 4597/QĐ-CCXP ngày 08/9/2022 về việc Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 87/QĐ -XPVPHC ngày 08/01/2021 về việc xử phạt vi phạm hành chính; Quyết định số 2006/QĐ-CCXP ngày 11/5/2021 về việc Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Hủy các Quyết định hành chính của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận gồm: Quyết định số 529/QĐ -XPVPHC ngày 26/02/2021 về việc xử phạt vi

phạm hành chính; Quyết định số 1630/QĐ-CCXP ngày 02/8/2022 về việc Cưỡng chế buộc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

- Bác yêu cầu về việc buộc Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận và Chủ tịch UBND thành phố P liên đới bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính trái pháp luật với giá trị công trình, nhà ở, tường rào, cây trồng bị xâm phạm tại thửa đất số số 43, tờ bản đồ 114, diện tích 1.080 m^2 và thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114, diện tích 15.817m^2 tọa lạc tại khu phố L, phường M, thành phố P với số tiền là: **9.619.000.000** đồng (*Chín tỷ sáu trăm mười chín triệu đồng).*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 21/9/2023, người khởi kiện – bà Trần Thị Ngọc N kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo – bà Trần Thị Ngọc N và luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà N trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N, hủy 06 Quyết định hành chính mà phía bà N đã khởi kiện yêu cầu hủy và chấp nhận yêu cầu bồi thường của phía người khởi kiện vì chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có sai sót trong quá trình ra các Quyết định này cả về hình thức và nội dung. Đề nghị triệu tập 10 người dân đã chuyển nhượng đất cho bà N để chứng minh việc bà N nhận chuyển nhượng đất là hợp pháp, ngay tình. Đề nghị xem xét thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

Những người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị kiện trình bày:

Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện vì căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, đã ban hành 06 Quyết định hành chính mà phía bên bà N khởi kiện là đúng quy định pháp luật (cả về hình thức và nội dung).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đơn kháng cáo bà Trần Thị Ngọc N làm trong hạn luật định nên hợp lệ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Phía người khởi kiện không đưa ra được căn cứ pháp luật và chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc N làm trong hạn luật định, thủ tục kháng cáo theo đúng quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[2] Các đương sự có đơn xin vắng mặt, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc N

Tại phiên tòa phúc thẩm bà N trình bày nguồn gốc của thửa đất số 19, tờ bản đồ số 115 là do bà N nhận chuyển nhượng của 10 người dân từ năm 2000 đến năm 2010, đồng thời bà N cung cấp hợp đồng nhận chuyển nhượng đất (giấy tay) từ các ông, bà: Ngày 24/8/2000, nhận chuyển nhượng từ bà Lê Thị Nhân diện tích 2.000m², giá chuyển nhượng là 100.000.000 đồng; Ngày 03/5/2002, nhận chuyển nhượng từ bà Trần Thị Chút diện tích 1.760m² (22m x 80m), giá chuyển nhượng là: 680.000.000 đồng; Ngày 02/5/2007, nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Vương Hải diện tích 500m^2 (10m x 50m), giá chuyển nhượng là: 500.000.000 đồng; Ngày 03/5/2007, nhận chuyển nhượng từ ông Hồ Văn Mỹ diện tích 500m² (10m x 50m), giá chuyển nhượng là: 500.000.000 đồng; Ngày 19/7/2008, nhận chuyển nhượng từ bà Trương Thị Hồng Hiệp diện tích 3.000m², giá chuyển nhượng là: 120.000.000 đồng; Ngày 06/3/2010, nhận chuyển nhượng từ vợ chồng ông Hồ Văn Đoan và bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết diện tích diện tích 780m² (13m x 60m), giá chuyển nhượng là: 500.000.000 đồng; Ngày 08/3/2010, nhận chuyển nhượng từ bà Huỳnh Vũ Mai Vương diện tích 2.000m², giá chuyển nhượng là: 870.000.000 đồng; Ngày 18/3/2010, nhận chuyển nhượng từ ông Phạm Văn Tuấn diện tích 2.000m², giá chuyển nhượng là: 500.000.000 đồng; Năm 2010, nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Cu diện tích 1.000m², giá chuyển nhượng là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Năm 2010, nhận chuyển nhượng từ ông Lê Hồng Minh diện tích 1.000m², giá chuyển nhượng là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Bà N yêu cầu Tòa án triệu tập các ông, bà Lê Thị Nhân, Trần Thị Chút, Phạm Vương Hải, Hồ Văn Mỹ, Trương Thị Hồng Hiệp, Huỳnh Vũ Mai Vương, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Phạm Văn Tuấn, Lê Hồng Minh để chứng minh việc bà N nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là hợp pháp, ngay tình.

Tại Biên bản làm việc với ông Hồ Văn Đoan do Ủy ban nhân dân phường M lập vòa lúc 10 giờ 10 phút ngày 10/01/2019 có nội dung ông Đoan trình bày: "Vào năm 2000, vị trí đất tại khu phố L, giáp ranh đường X, đối diện đơn vị C19 là rừng chàm nước và cây bụi, lúc đó tôi (Đoan) có vào bên trong rừng để chiếm

đất do Nhà nước quản lý để khoanh vùng đất để làm ranh thửa đất và trồng một số cây bạch đàn, cây đào, diện tích khoảng gần 2.000m^2. Đến năm 2010, tôi (Đoan) có đến lại thửa đất trên để tiếp tục trồng thêm một số cây dừa, xoài. Đến năm 2017, bà Trần Thị Ngọc N có đến giành đất của tôi (Đoan) và bà N nói rằng đất trên là bà được Nhà nước giao cho bà N để làm dự án, nên tôi (Đoan) bỏ đất và không canh tác Na và sau đó bà N có đến nhà tôi (Đoan) để cho tôi (Đoan) một số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để hỗ trợ tiền trông cây cối hoa màu trên đất, chỉ nói bằng miệng không làm giấy tờ gì khác. Tôi (Đoan) khẳng định rằng việc tôi (Đoan) chiếm đất tại thửa đất trên từ năm 2000 đến năm 2017, tôi (Đoan) không mua bán đất cho bất kỳ một ai hay bán cho bà Trần Thị Ngọc N tại vị trí thửa đất nói trên" (BL 546).

Tại Biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn Cu do Ủy ban nhân dân phường M lập vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 10/01/2019 có nội dung ông Nguyễn Văn Cu trình bày: "Vào năm 2012, tôi (Cu) có chiếm một thửa đất do Nhà nước quản lý tại khu phố L, diện tích khoảng 300m^2 để làm chuồng nuôi bò và trồng khoảng 10 cây đào, 10 cây bạch đàn và trồng 1 số trụ bê tông. Vì vậy, tôi (Cu) khẳng định rằng thửa đất (nằm trước mặt đơn vị C19 cách đường X đi vào 100m) là do tôi (Cu) chiếm đất do Nhà nước quản lý từ năm 2012 đến nay và không có sang nhượng đất cho bà Trần Thị Ngọc N hay bất cứ ai khác, nếu Nhà nước có thu hồi đất, tôi (Cu) sẽ giao lại cho Nhà nước quản lý sử dụng" (BL 542).

Xét thấy, lời trình bày của ông Hồ Văn Đoan, ông Nguyễn Văn Cu là có mâu thuẫn với lời trình bày của bà N và mâu thuẫn với các Giấy sang nhượng đất do bà N xuất trình. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu bà N, triệu tập ông Hồ Văn Đoan, ông Nguyễn Văn Cu tham gia tố tụng để lấy lời khai, đối chất với bà N để làm rõ có việc ông Đoan, ông Cu lấn chiếm đất của Nhà nước sau đó chuyển nhượng cho bà N hay không. Đồng thời cần triệu tập các ông, bà Lê Thị Nhân, Trần Thị Chút, Phạm Vương Hải, Hồ Văn Mỹ, Trương Thị Hồng Hiệp, Huỳnh Vũ Mai Vương, Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Phạm Văn Tuấn, Lê Hồng Minh để lấy lời khai làm rõ có việc các ông, bà chuyển nhượng đất cho bà N hay không từ đó làm cơ sở xem xét tính đúng đắn, hợp pháp của Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 529/QĐ-XPVPHC ngày 26/02/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Đây là tình tiết mới phát sinh phiên tòa phúc thẩm mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần hủy bản án sơ thẩm để xét xét lại vụ án một cách toàn diện, triệt để, đảm bảo đảm bảo vụ án được giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm số 93/2023/HC-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm. Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do phát sinh tình tiết mới tại cấp phúc thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm không có lỗi.

[4] Khi xét xử sơ thẩm lại Tòa án cấp sơ thẩm cần triệu tập thêm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, thu thập thêm các tài liệu, chứng cứ sau:

[4.1] Ngày 26/02/2021, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 529/QĐ-XPVPHC đối với bà Trần Thị Ngọc N có nội dung: *"2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính: Lấn, chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực đô thị thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114 do Nhà nước quản lý, với diện tích đất 15.817m^2 tại khu phố L, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận; 3. Quy định tại: Điểm đ, khoản 1 và khoản 5, Điều 14, Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; 6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau: a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền; Cụ thể: 100.000.000 đồng; b) Hình thức phạt bổ sung: Không; c) Các biện pháp khắc phục hậu quả: Có; Buộc bà Trần Thị Ngọc N: Khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm cho Ủy ban nhân dân phường M để quản lý theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai; Nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính với số tiền là 143.589.608 đồng (Một trăm bốn mươi ba triệu năm trăm tám mươi chín ngàn sáu trăm lẻ tâm đồng) theo quy định tại điểm d, khoản 7, Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ; Thời hạn thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả là 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này; Mọi chi phí tổ chức thi hành biện pháp khắc phục hậu quả do bà Trần Thị Ngọc N chỉ trả.*" (BL 68).

Tại Biên bản số 01/BB-XM do Ủy ban nhân dân phường M lập vào lúc 15 giờ 30 phút ngày 05/02/2021 về việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (BL 240) bà N trình bày: Khu đất bà N sử dụng có các cá nhân góp vốn mua đất chung, bà N chỉ là người đại diện đứng tên mua chung cho các ông, bà gồm: Bà Trần Thị Lan, bà Trà Thị Tuyết, ông Nguyễn Trọng Thụy, ông Nguyễn Văn Hoan, ông Trần Văn Tập, bà Nguyễn Ngọc Hà, bà Trần Thị Hoa, bà Huỳnh Vũ Mai Vương.

Như vậy, tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 529/QĐ-XPVPHC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận áp dụng *biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc bà Trần Thị Ngọc N: Khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại đất đã lấn, chiếm cho Ủy ban nhân dân phường M để quản lý* là có ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người đã hùn tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất chung với bà N (nếu có). Do đó, việc giải quyết vụ án hành chính, xem xét tính đúng đắn, hợp pháp của Quyết định hành chính, Quyết định hủy hoặc không hủy Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 529/QĐ-XPVPHC là có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của các ông, bà Trần Thị Lan, Trà Thị Tuyết, Nguyễn Trọng Thụy, Nguyễn Văn Hoan, Trần Văn Tập, Nguyễn Ngọc Hà, Trần Thị Hoa,

Huỳnh Vũ Mai Vương nên cần xác định các ông, bà nêu trên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại khoản 10 Điều 3 Luật tố tụng hành chính năm 2015.

[4.2] Xác định thời điểm bà N thực hiện hành vi lấn, chiếm đất

Tại Biên bản họp do Ủy ban nhân dân phường M lập vào lúc 14 giờ ngày 04/01/2021 về việc xác minh thời điểm bà Trần Thị Ngọc N tác động, sử dụng đất lấn, chiếm thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114 (bản đồ 920) tại khu phố L, phường M, thành phố P, tỉnh Bình Thuận (BL 265) có nội dung: *"Qua cuộc họp, Ủy ban nhân dân phường M và các thành phần tham dự họp thống nhất nội dung sau: Về loại đất vi phạm: Đất chưa sử dụng do Nhà nước quản lý thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114 (bản đồ 920); về thời điểm vi phạm: Bà Trần Thị Ngọc N tác động, xây dựng các công trình sử sụng đất lấn, chiếm do Nhà nước quản lý vào cuối tháng 3 năm 2019 và đầu tháng 4 năm 2019, do không nhớ rõ ngày nào cuối tháng nên thống nhất thời điểm vi phạm là ngày 31/3/2019 cho đến nay".*

Và tại Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC do ông Võ Văn Thanh – công chức Địa chính – Xây dựng – Ủy ban nhân dân phường M lập vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 05/01/2021 đối với bà Trần Thị Ngọc N (BL 255) có nội dung: *"2. Đã có hành vi vi phạm hành chính: Ngày 31/3/2019, bà Trần Thị Ngọc N đã có hành vi vi phạm lấn chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực đô thị thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114 (bản đồ 920) đất do Nhà nước quản lý với diện tích 15.817m^2 tại khu phố L, phường M, thành phố P (đính kèm: bản đồ hiện trạng vị trí thửa đất lấn, chiếm do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P lập ngày 17/11/2020".*

Căn cứ Biên bản kiểm tra hiện trạng do Ủy ban nhân dân phường M lập vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 07/9/2018 (BL 566) có nội dung: *"Tại vị trí kiểm tra, có một số trụ bê tông (gồm 24 trụ) và kẽm gai. Tại hướng Bắc và hướng Đông có kẽm gai và trụ bê tông, tụ cây. Tại hướng Tây và hướng Nam không có kẽm gai, chỉ có trụ bê tông. Hiện trạng trên đất rào, chiếm gồm có 3 trụ bê tông (nằm trên đất) và 10 cây xanh mới trồng khoảng 2-3 ngày. Tại thời điểm kiểm tra không có đối tượng rào, chiếm, theo phản ánh của người dân cung cấp là do bà N Đoàn thuê người trồng trụ bê tông, kẽm gai và cây xanh để rào, chiếm đất tại vị trí đất trên (đất do Nhà nước quản lý)";*

Căn cứ Biên bản làm việc với bà Trần Thị Ngọc N do Ủy ban nhân dân phường M lập vào lúc 15 giờ 10 phút ngày 07/9/20018 (BL 565) bà N trình bày: *"Thửa đất trên, do tôi (N) có thuê người trồng trụ bê tông, trụ cây và kẽm gai để rào ranh thửa đất, nguồn gốc đất này do tôi (N) nhận sang nhượng lại của các hộ dân tại khu phố L vào năm 2011. Nếu như việc rào đất của tôi (N) có liên quan đến đất do Ủy ban nhân dân phường quản lý thì tôi (N) sẽ tháo dỡ toàn bộ vật dụng trên đất (trụ bê tông, trụ cây, kẽm gai) đồng thời đề nghị địa*

phương tháo dỡ toàn bộ các hộ dân tự ý rào chiếm đất bên trong thửa đất của tôi (N)";

Căn cứ Biên bản kiểm tra hiện trạng do Ủy ban nhân dân phường M lập vào lúc 9 giờ 10 phút ngày 25/10/2018 có nội dung: *"Tại vị trí kiểm tra, phát hiện bà Trần Thị Ngọc N chưa tháo dỡ hàng rào kẽm gai và trụ bê tông mà tiếp tục trồng một số cây dừa trên đất do Nhà nước quản lý, số lượng cây dừng: 36 cây dừa lớn + dừa nhỏ"* (BL 562);

Căn cứ Biên bản làm việc với ông Hồ Văn Đoan do Ủy ban nhân dân phường M lập vòa lúc 10 giờ 10 phút ngày 10/01/2019 có nội dung ông Đoan trình bày: *"Vào năm 2000, vị trí đất tại khu phố L, giáp ranh đường X, đối diện đơn vị C19 là rừng chàm nước và cây bụi, lúc đó tôi (Đoan) có vào bên trong rừng để chiếm đất do Nhà nước quản lý để khoanh vùng đất để làm ranh thửa đất và trồng một số cây bạch đàn, cây đào, diện tích khoảng gần 2.000m^2. Đến năm 2010, tôi (Đoan) có đến lại thửa đất trên để tiếp tục trồng thêm một số cây dừa, xoài. Đến năm 2017, bà Trần Thị Ngọc N có đến giành đất của tôi (Đoan) và bà N nói rằng đất trên là bà được Nhà nước giao cho bà N để làm dự án, nên tôi (Đoan) bỏ đất và không canh tác Na và sau đó bà N có đến nhà tôi (Đoan) để cho tôi (Đoan) một số tiền là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để hỗ trợ tiền trông cây cối hoa màu trên đất, chỉ nói bằng miệng không làm giấy tờ gì khác"* (BL 546);

Căn cứ Biên bản làm việc với ông Nguyễn Ngọc Anh do Ủy ban nhân dân phường M lập lúc 15 giờ ngày 10/01/2019 có nội dung ông Ngọc Anh trình bày: *"Vào năm 2001, tôi (Anh) có đến khu vực đất khu phố L (vị trí tiếp giáp với đường X hiện nay và đối diện đơn vị C19) để chiếm một thửa đất, diện tích gần 1.000m^2 để trồng một số cây dừa, xoan, chàm, hiện nay số cây trên đã chết, còn lại 3 cây chàm. Tại vị trí chiếm đất do Nhà nước quản lý, vị trí đất nơi này là có rất nhiều cây cối bụi rậm. Tại thời điểm chiếm đất, tôi (Anh) ít thường xuyên canh tác trên đất vì nghề chính của tôi (Anh) làm biển. Đến năm 2018, bà Trần Thị Ngọc N có đến nhà tôi (Anh) nói rằng trên đất bà N được Nhà nước cho thuê đất để làm dự án nên bà N đòi lại đất của tôi (Anh) đã chiếm và cho mẹ ruột của tôi (Anh) 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) coi như số tiền đó là công tôi làm đất và trồng cây trên đất, chỉ cho bằng miệng, không có làm giấy tờ gì khác"* (BL 544);

Căn cứ Biên bản làm việc với ông Nguyễn Cang do Ủy ban nhân dân phường M lập vào lúc 14 giờ 10 phút ngày 10/01/2019 có nội dung ông Cang trình bày: *"Vào năm 2001, tôi (Cang) có đến khu vực đất tại khu phố L (vị trí đất tiếp giáp với đường X hiện nay và đối diện đơn vị C19) để chiếm 1 thửa đất, diện tích khoảng 4.000m^2 để trồng một số cây chàm và khoan vùng thửa đất để làm ranh đất, đất này là đất do Nhà nước quản lý. Tại thời điểm chiếm đất, vị trí tại nơi này là có rất nhiều cây bụi rậm trên đất. Do tôi (Cang) làm nghề đi biển, nên khi chiếm đất và trồng cây chàm thì để đất đó và ít thường xuyên canh tác.*

Đến năm 2017, bà Trần Thị Ngọc N có nói rằng vị trí đất tôi (Cang) chiếm là đất của bà được Nhà nước cho thuê để làm dự án, nên bà N đòi lại đất của tôi (Cang) và để lại cho tôi (Cang) một thửa đất nhỏ phía sau cách đường X đi vào khoảng 100m, coi như đó là công tôi (Cang) trồng cây trên đất trước đây(BL 540).

Từ các căn cứ nêu trên có cơ sở xác định tại Biên bản vi phạm hành chính số 01/BB-VPHC do ông Võ Văn Thanh – công chức Địa chính – Xây dựng – Ủy ban nhân dân phường M lập vào lúc 09 giờ 00 phút ngày 05/01/2021 đối với bà Trần Thị Ngọc N có hành vi *vi phạm lấn chiếm đất chưa sử dụng tại khu vực đô thị thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114 (bản đồ 920) đất do Nhà nước quản lý với diện tích 15.817m^2 tại khu phố L, phường M, thành phố P* vào *ngày 31/3/2019* là có mâu thuẫn với các Biên bản làm việc, Biên bản kiểm tra hiện trạng của Ủy ban nhân dân phường M lập vào năm 2018, lời trình bày của ông Hồ Văn Đoan, ông Nguyễn Ngọc Anh, ông Nguyễn Cang tại các Biên bản làm việc của Ủy ban nhân dân phường M lập vào tháng 1/2019. Do đó, triệu tập ông Hồ Văn Đoan, ông Nguyễn Ngọc Anh, ông Nguyễn Văn Cang lấy lời khai làm rõ về thời điểm bà N chiếm đất do ông Đoan, ông Ngọc Anh, ông Cang khai phá, thu thập chứng cứ, xác minh làm rõ thời điểm bà N lấn, chiếm đất (nếu có) để làm căn cứ xác định thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với bà N.

[4.3] Tại Công văn số 447/CSĐT-DDT3 của Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P gửi Chi nhánh VPĐK đất đai P về việc đề nghị cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến vụ bà Trần Thị Ngọc N tại phường M (BL 272) có nội dung Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố P, tỉnh Bình Thuận nhận được khiếu nại của bà Trần Thị Ngọc N tại phường M, thành phố P về nội dung bà N lấn chiếm đất công do Báo Thanh Niên điện tử đưa tin. Do đó, cần xác minh, thu thập chứng cứ làm rõ kết quả của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an thành phố P giải quyết đơn khiếu nại của bà N liên quan đến hành vi lấn chiếm đất công để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4.4] Trong quá trình giải quyết vụ án bà N trình bày vào năm 2018 - 2019 bà N đã nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 114.

Căn cứ Công văn số 4205/UBND-ĐBGT ngày 28/3/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc kiểm tra, tham mưu giải quyết đơn của bà Trần Thị Ngọc N, phường M (BL 52) có nội dung: *"Qua xem xét đơn đề ngày 26/3/2018 của bà Trần Thị Ngọc N, hiện cư ngụ tại khu phố 5, phường M, thành phố P, về việc yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến như sau: Yêu cầu Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra theo nội dung đơn của bà Trần Thị Ngọc N, căn cứ các quy định có ý kiến trả lời và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, thời gian hoàn thành trước ngày 10/4/2018";* Căn cứ Mảnh chỉnh lý Bản đồ địa chính số 14-2018 Hệ tọa độ VN 2000, khu vực đô thị,

khu phố L, tờ số 114 (215 479-9) do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P lập ngày 07/02/2018 chỉnh lý từ thửa đất 19 tờ 114 loại đất đồi núi chưa sử dụng của Ủy ban nhân dân phường thành thửa đất số 46, diện tích 23.757,6m^2, mục đích sử dụng đất là cây lâu năm (CLN) (BL 53); Căn cứ Công văn số 111/UBND-ĐC ngày 31/01/2019 của Ủy ban nhân dân phường M gửi Chi nhánh VPĐK đất đai P về việc phối hợp giải quyết hồ sơ hành chính bà Trần Thị Ngọc N (BL 273) có nội dung: *"Ủy ban nhân dân phường M, tiếp nhận Giấy mời số 12/GM-CNVPĐKĐĐPT, ngày 14/01/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P về việc phối hợp đo đạc ranh giới đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Trần Thị Ngọc N. Ngày 17/01/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P phối hợp Ủy ban nhân dân phường tiến hành đo đạc thửa đất theo sự chỉ dẫn của bà Trần Thị Ngọc N, được biết vị trí đo đạc thửa đất tại khu phố L, phường M do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P đo đạc, thuộc thửa đất số 66, tờ bản đồ 114, diện tích 1319,5m², mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, nằm trong thửa đất số 19, tờ bản đồ 114, diện tích 83724,8m², quy chủ sử dụng đất do Ủy ban nhân dân phường M quản lý"*; Căn cứ Mảnh chỉnh lý thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P lập ngày 25/02/2019 chỉnh lý thửa đất số 19, tờ bản đố số 114 thành thửa đất số 66, diện tích 13.195,5m^2, mục đích sử dụng đất là cây lâu năm (CLN) (BL 276) có cơ sở xác định lời trình bày của bà N là có căn cứ. Do đó, cần xác minh, thu thập chứng cứ là hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà N là chưa đủ căn cứ để giải quyết vụ án.

[4.5] Ngày 25/02/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P lập Mảnh chỉnh lý thửa đất số 19, tờ bản đố số 114 thành thửa đất số 66, diện tích 13.195,5m^2, mục đích sử dụng đất là cây lâu năm (CLN) (BL 271). Do đó, cần thu thập tài liệu, hồ sơ, căn cứ để Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai P lập Mảnh chỉnh lý để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4.6] Bà N có yêu cầu khởi kiện buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P liên đới bồi thường thiệt hại về hành vi hành chính trái pháp luật đối với việc cưỡng chế trái pháp luật ngày 28/9/2022 với số tiền là 9.619.000.000 đồng. Do đó, cần thu thập chứng cứ là hồ sơ thực hiện hành vi hành chính cưỡng chế vào ngày 28/9/2022 để xem xét, đánh giá tính hợp pháp, có căn cứ của hành vi cưỡng chế, từ đó làm căn cứ để giải quyết yêu cầu bồi thường thiệt hại của bà N. Do hành vi cưỡng chế xuất phát từ quyết định cưỡng chế và có mối liên hệ với nhau nên cần được giải quyết trong cùng một vụ án mới đảm bảo việc giải quyết được toàn diện, triệt để, đúng quy định pháp luật.

[5] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, do có tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được. Do đó, cần chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc N, hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2023/HC-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận

giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm do tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm.

[6] Nhận định trên đây cũng là căn cứ để chấp nhận một phần hoặc toàn bộ, không chấp nhận một phần hoặc toàn bộ quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, của người khởi kiện và người bị kiện.

[7] Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị Ngọc N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử sụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Trần Thị Ngọc N

Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 93/2023/HC-ST ngày 15/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Trần Thị Ngọc N không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Trần Thị Ngọc N 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0020571 ngày 27/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Cục THADS tỉnh Bình Thuận;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VP; HSVA; ĐTM.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Đức Toàn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các Thẩm phán **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Minh Thịnh **Lê Thúy Cầu** **Vũ Đức Toàn**